

LỊCH HỌC THỰC HÀNH
(TUẦN 32 - Từ ngày 12 tháng 04 đến ngày 18 tháng 04 năm 2021)
ĐƠN VỊ: KHOA CƠ KHÍ

TT	Hệ	Khóa	Lớp	Nhóm	SL HSSV	Học phần/ Môn học	Ngày học/Ca học - phòng học														Giáo viên	Ghi chú	
							Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		CN				
							Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng			
1	ĐH	14	ME6012.3	1	25	CTM							1	P.103-A9							T. N. Quyết		
2	ĐH	14	ME6012.3	2	25	CTM							2	P.103-A9							T. N. Quyết		
3	ĐH	14	ME6012.6	2	25	CTM									1	P.103-A9					H. X. Khoa		
4	ĐH	14	ME6012.7	3	25	CTM											2	P.103-A9			T. T. Thủy		
5	ĐH	14	ME6012.7	1	25	CTM					2	P.103-A9									T. T. Thủy		
6	ĐH	14	ME6012.8	2	25	CTM				2	P.103-A9										T. N. Quyết		
7	ĐH	14	ME6012.9	2	25	CTM	1	P.103-A9													N. H. Tiễn		
8	ĐH	14	ME6012.10	2	25	CTM	2	P.103-A9													N. H. Tiễn		
9	ĐH	14	ME6012.11	1	25	CTM				1	P.103-A9										H. X. Khoa		
10	ĐH	14	ME6012.12	3	25	CTM	3	P.103-A9													N. T. Dũng		
11	ĐH	14	ME6012.14	1,2	25	CTM				3	P.103-A9										N. T. Dũng		
12	ĐH	14	ME6012.14	3	25	CTM									3	P.103-A9					N. T. Dũng		
13	ĐH	14	ME6012.16	3	25	CTM											1	P.103-A9			N. T. Hường		
14	ĐH	14	ME6012.16	1	25	CTM					1	P.103-A9									N. T. Hường		
15	ĐH	14	ME6012.17	2	25	CTM									2	P.103-A9					N. T. Hường		
16	ĐH	14	20202ME6031001	2	27	SBVL					3	P.104-A9									N. V. Luật		
17	ĐH	14	20202ME6031001	2	27	SBVL							3	P.104-A9							N. V. Luật		
18	ĐH	13	20202ME6013007	1	15	ĐĐKT							2	Tầng 2-A10							N. V. Luật		
19	ĐH	13	20202ME6029002	1	13	PPPTHH	1	Tầng 2-A10													T. T. Thủy		
20	ĐH	13	20202ME6010002	1	13	CHVRBD					1	Tầng 2-A10									T. T. Thủy		
21	ĐH	13	20202ME6034002	1	13	TKHTCK							1	Tầng 2-A10							N. T. Linh		
22	CĐ	22	CTM1	1	35	VKT	1	P.208-A10													N. T. T. Mai		
23	CĐ	22	CTM1	2	35	VKT	2	P.208-A10													N. T. T. Mai		
24	CĐ	22	CTM1	3	35	VKT					2	P.208-A10									N. T. T. Mai		
25	CĐ	22	CTM1	1	35	VKT							1	P.208-A10							N. T. T. Mai		
26	CĐ	22	CTM1	2	35	VKT							2	P.208-A10							N. T. T. Mai		
27	CĐ	22	CTM1	3	35	VKT									2	P.208-A10					N. T. T. Mai		
28	ĐH	K13	TK Thời trang	1	70	VKT							9,10,11,12	P.505-A10							P.T. M. Huệ	14h10' - 17h 30'	
29	ĐH	14	20202ME6070001	1	30	UDMTTCN	1	P.306-A10													Đ. V. Trường		
30	ĐH	14	20202ME6070001	2	22	UDMTTCN									3	P.306-A10					Đ. V. Trường		
31	CĐ	22	20202ME5034002	2	33	Thực hành CAD 2D				2	P.306-A10										Đ. M. Hiền		
32	CĐ	22	20202ME5034002	3	33	Thực hành CAD 2D					3	P.306-A10									Đ. M. Hiền		
33	ĐH	14	20202ME6027003	1	23	TN NLC					3	P.108-A9									N. C. Tâm	17h30 - 19h45	
34	ĐH	14	20202ME6027003	2	23	TN NLC					3	P.108-A9									N. C. Tâm	19h45 - 21h45	
35	ĐH	14	20202ME6027003	3	23	TN NLC												1	108-A9		N. C. Tâm	7h - 9h15	
36	ĐH	14	20202ME6027006	1	23	TN NLC				3	P.108-A9								1	108-A9		N. C. Tâm	9h15 - 11h30

37		DH	14	20202ME6027006	2	23	TN NLC									2	P.108-A9	2	108-A9	N. C. Tâm	12h30-15h15
38		DH	14	20202ME6027006	3	24	TN NLC									3	P.108-A9	2	108-A9	N. C. Tâm	15h15-17h30
39		DH	14	20202ME6027002	1	23	Thí nghiệm NLC	1	P.108-A9											B. T. Tài	
40		DH	14	20202ME6027007	2	25	Thí nghiệm NLC									1	P.108-A9			B. T. Tài	
41		DH	14	20202ME6027007	3	25	Thí nghiệm NLC				3	P.108-A9								B. T. Tài	
42		DH	14	20202ME6027002	2	24	Nguyên Lý Cấu			2	P.108-A9									N. V. Quảng	
43		DH	14	20202ME6027002	3	24	Nguyên Lý Cấu				2	P.108-A9								N. V. Quảng	
44		DH	14	20202ME6027007	1	25	Nguyên Lý Cấu						1	P.108-A9						N. V. Quảng	
45		CD_DH	12	202020103151002	1	1	Thí nghiệm MTD			1	P.207-A10	1	P.207-A10			1	P.207-A10			N. Đ. Minh	
46		DH	13	ME6055.2	1	35	KTTĐH	2	P.207-A10											V.T.Anh	
47		DH	13	ME6055.2	2	35	KTTĐH				2	P.207-A10								V.T.Anh	
48		DH	13	ME6055.2	1	26	KTTĐH			2	P.207-A10									L.N. Nghĩa	
49		DH	13	ME6055.2	2	27	KTTĐH						2	P.207-A10						L.N. Nghĩa	
50		DH	13	ME6055.2	3	26	KTTĐH								2	P.207-A10				L.N. Nghĩa	
51		DH	14	ME6022.3	1	25	HTTĐTK			2	P.204-A10									L.V. Hải	
52		DH	14	ME6022.3	2	25	HTTĐTK								1	P.204-A10				L.V. Hải	
53		DH	14	ME6022.3	3	26	HTTĐTK										1	P.204-A10		L.V. Hải	
54		DH	14	ME6022.2	1	24	HTTĐTK				1	P.204-A10								N. V. Trường	
55		DH	14	ME6022.1	1	25	HTTĐTK								2	P.204-A10				L. N. Duy	
56		DH	14	ME6022.1	1	25	HTTĐTK										2	P.204-A10		L. N. Duy	
57		DH	14	ME6022.4	2	25	HTTĐTK			1	P.204-A10									B.T.LÂM	
58		DH	14	ME6022.4	3	24	HTTĐTK						2	P.204-A10						B.T.LÂM	
59		DH	13	ME6022.5	1	26	HTTĐTK				2	P.204-A10								L.N. Nghĩa	
60		DH	13	ME6022.5	2	25	HTTĐTK				3	P.204-A10								L.N. Nghĩa	
61		DH	13	ME6022.5	3	26	HTTĐTK									3	P.204-A10			L.N. Nghĩa	
62		DH	14	CĐT 3	1	36	CBHTD				1	P.203-A10								B.T.Lâm	
63		DH	14	CĐT 3	2	37	CBHTD					1	P.203-A10							B.T.Lâm	
64		DH	14	CĐT 4	1	35	CBHTD					2	P.203-A10							N. Q. Thợ	
65		DH	14	CĐT 4	2	35	CBHTD								1	P.203-A10				N. Q. Thợ	
66		DH	14	CĐT 2	1	37	CBHTD			2	P.203-A10									L. N. Duy	
67		DH	14	CĐT 2	2	38	CBHTD			3	P.203-A10									L. N. Duy	
68		DH	14	CĐT 1	1	20	CBHTD	2	P.203-A10											Hiếu-Lâm	
69		DH	14	CĐT 5	1	22	CBHTD				2	P.203-A10								L. N. Duy	
70		DH	14	CĐT 5	2	23	CBHTD				3	P.203-A10								L. N. Duy	
71		CD	21	Cơ điện tử 1	1	23	Robot công nghiệp			1	P.201-A10			1	P.201-A10	1	P.201-A10	2	P.201-A10	T. N. Tiến	
72		CD	21	Cơ điện tử 1	2	23	Robot công nghiệp	1	P.201-A10			1	P.201-A10	2	P.201-A10			1	P.201-A10	T. N. Tiến	
73		CD	21	Cơ điện tử 2	1	25	Robot công nghiệp	2	P.201-A10	2	P.201-A10									P.T. Hùng	
74		DH	12	Cơ điện tử	1	10	Đồ án tốt nghiệp				15h05-15h50	P.201-A10								N. X. Thuận	HD ĐATN
75		DH	12	0103178.2	1	10	Chuyên đề robot				14h10-14h55	P.201-A10								N. X. Thuận	HD ĐATN
76		DH	12	Cơ điện tử	1	10	Đồ án tốt nghiệp				15h05-15h50	P.201-A10								P.T. Hùng	HD ĐATN
77		DH	12	0103178.2	1	12	Chuyên đề robot				14h10-14h55	P.201-A10								P.T. Hùng	HD ĐATN
78		DH	13	ME6051.1	1	25	Đồ án DL và DK			18h00-18h45	P.201-A10									P.T. Hùng	HD ĐATN
79		DH	13	ME6059.1	1	42	Robot di động			3	P.201-A10									N. X. Thuận	

80	CD	21	ME5026.2	1	34	THCĐT			2	P.206-A10	2	P.206-A10	2	P.206-A10						B.H.Anh	
81	CD	21	ME5026.2	1	34	THCĐT					1	P.206-A10								P. Đ. Hiếu	
82	CD	21	ME5026.2	1	34	THCĐT									2	P.206-A10				V.T.Anh	
83	ĐH	13	ME6061.1		72	BTL TKHTCĐT					14h10-14h55	P.206-A10								P. Đ. Hiếu	HD BTL
84	ĐH	13	ME6061.3		73	BTL TKHTCĐT					15h05-15h50	P.206-A10								P. Đ. Hiếu	HD BTL
85	ĐH	13	20202ME6037003		25	Thực hành CNC									3	Tầng 1-A10	1	Tầng 1-A10	N. V. Đức	TT Hồng Hải	
86	ĐH	13	20202ME6037004		25	Thực hành CNC									2	TT Cơ khí	2	TT Cơ khí	C. T. Anh	Khu B	
87	ĐH	13	20202ME6037005		25	Thực hành CNC	1	Tầng 1-A10							1	Tầng 1-A10				P. V. Trinh	TT Hồng Hải
88	ĐH	13	20202ME6037006		25	Thực hành CNC	1	Tầng 1-A10		3	Tầng 1-A10									N. V. Cảnh	TT Hồng Hải
89	ĐH	13	20202ME6037007		25	Thực hành CNC	2	Tầng 1-A10							2	Tầng 1-A10				V. Đ. Toàn	TT Hồng Hải
90	ĐH	13	20202ME6037008		25	Thực hành CNC	2	Tầng 1-A10			3	Tầng 1-A10								N. V. Đức	TT Hồng Hải
91	ĐH	13	20202ME6037009		25	Thực hành CNC			1	Tầng 1-A10					1	Tầng 1-A10				V. Đ. Toàn	TT Hồng Hải
92	ĐH	13	20202ME6037010		25	Thực hành CNC			2	Tầng 1-A10							2	Tầng 1-A10	N. V. Quê	TT Hồng Hải	
93	ĐH	13	20202ME6037011		25	Thực hành CNC			1	Tầng 1-A10					2	Tầng 1-A10				N. V. Quê	TT Hồng Hải
94	ĐH	13	20202ME6037012		25	Thực hành CNC				1	Tầng 1-A10	3	Tầng 1-A10							Đ. N. Hoàng	TT Hồng Hải
95	ĐH	13	20202ME6037013		25	Thực hành CNC				2	Tầng 1-A10				3	Tầng 1-A10				Đ. N. Hoàng	TT Hồng Hải
96	ĐH	13	20202ME6037014		25	Thực hành CNC			2	Tầng 1-A10							2	Tầng 1-A10	Đ. N. Hoàng	TT Hồng Hải	
97	ĐH	13	20202ME6037015		25	Thực hành CNC					1	Tầng 1-A10	3	Tầng 1-A10						N. V. Quê	TT Hồng Hải
98	ĐH	13	20202ME6037016		25	Thực hành CNC				3	Tầng 1-A10	2	Tầng 1-A10							N. V. Đức	TT Hồng Hải
99	ĐH	13	20202ME6037017		25	Thực hành CNC				1	Tầng 1-A10			1	Tầng 1-A10					N. V. Đức	TT Hồng Hải
100	ĐH	13	20202ME6037018		25	Thực hành CNC								1	Tầng 1-A10					V. Đ. Toàn	TT Hồng Hải
101	ĐH	13	20202ME6037018		25	Thực hành CNC								3	Tầng 1-A10					V. Đ. Toàn	TT Hồng Hải
102	ĐH	13	20202ME6037019		25	Thực hành CNC						2	Tầng 1-A10	2	Tầng 1-A10					V. Đ. Toàn	TT Hồng Hải
103	ĐH	13	20202ME6037020		25	Thực hành CNC				2	Tầng 1-A10						1	Tầng 1-A10	N. T. Mai	TT Hồng Hải	
104	ĐH	13	20202ME6037021		25	Thực hành CNC								1	TT Cơ khí	1	TT Cơ khí			L. Q. Lâm	Khu B
105	ĐH	13	20202ME6037022		25	Thực hành CNC								2	TT Cơ khí	2	TT Cơ khí			L. Q. Lâm	Khu B
106	ĐH	13	20202ME6037023		25	Thực hành CNC			3	Tầng 1-A10		1	Tầng 1-A10							N. M. Anh	TH Phay
107	ĐH	13	20202ME6004001		30	Thực hành CAD/CAM				1	P.307-A10									H. T. Dũng	Tiếng Anh
108	ĐH	13	20202ME6004002		30	Thực hành CAD/CAM				2	P.307-A10									N. V. Cảnh	Tiếng Anh
109	ĐH	13	20202ME6004003		30	Thực hành CAD/CAM									1	P.307-A10				T. V. Long	Tiếng Anh
110	ĐH	13	20202ME6004004	1	35	Thực hành CAD/CAM					2	P.306-A10								Đ. N. Hoàng	
111	ĐH	13	20202ME6004004	2	35	Thực hành CAD/CAM									2	P.307-A10				Đ. N. Hoàng	
112	ĐH	13	20202ME6004005	1	35	Thực hành CAD/CAM	1	P.307-A10												N. M. Anh	
113	ĐH	13	20202ME6004005	2	35	Thực hành CAD/CAM	2	P.307-A10												N. M. Anh	
114	ĐH	13	20202ME6004006	1	25	Thực hành CAD/CAM	3	P.306-A10												T. V. Long	
115	ĐH	13	20202ME6004006	2	25	Thực hành CAD/CAM	2	P.306-A10												N. V. Quê	
116	ĐH	13	20202ME6004006	3	25	Thực hành CAD/CAM	3	P.307-A10												N. V. Quê	
117	ĐH	13	20202ME6004007	1	35	Thực hành CAD/CAM									1	P.306-A10				Đ. N. Hoàng	
118	ĐH	13	20202ME6004007	2	35	Thực hành CAD/CAM					2	P.307-A10								N. V. Cảnh	
119	ĐH	13	20202ME6004008	1	35	Thực hành CAD/CAM											3	P.307-A10	P. V. Trinh		
120	ĐH	13	20202ME6004008	2	35	Thực hành CAD/CAM					3	P.307-A10								P. V. Trinh	
121	ĐH	9	20202010305001		1	Thực hành CAD/CAM								2	P.313-A10					N. M. Anh	
122	ĐH	13	20202ME6006001	1	23	CNCTM2			1	P.106-A9										Đ. D. Trung	

123	DH	13	20202ME6006001	2	23	CNCTM2	2	P.106-A9											Đ. Đ. Trung	
124	ĐH	13	20202ME6006001	3	23	CNCTM2	3	P.106-A9											N. V. Hùng	
125	ĐH	13	20202ME6006002	1	23	CNCTM2	1	P.106-A9											D. V. Đức	
126	ĐH	13	20202ME6006002	2	23	CNCTM2						2	P.106-A9						N. V. Hùng	
127	ĐH	13	20202ME6006002	3	23	CNCTM2			3	P.106-A9									Đ. Đ. Trung	
128	ĐH	13	20202ME6006003	1	23	CNCTM2					2	P.106-A9							T. Q. Hùng	
129	ĐH	13	20202ME6006003	2	23	CNCTM2									2	P.106-A9			D. V. Đức	
130	ĐH	13	20202ME6006003	3	23	CNCTM2					3	P.106-A9							N. T. Sỹ	
131	ĐH	13	20202ME6006004	1	23	CNCTM2					1	P.106-A9							T. Q. Hùng	
132	ĐH	13	20202ME6006004	2	23	CNCTM2									1	P.106-A9			N. T. Sỹ	
133	ĐH	13	20202ME6006004	3	23	CNCTM2									3	P.106-A9			N. T. Sỹ	
134	ĐH	13	20202ME6006005	1	23	CNCTM2					1	P.106-A9							N. T. Sỹ	
135	ĐH	13	20202ME6006005	2	23	CNCTM2							2	P.106-A9					N. T. Mai	
136	ĐH	13	20202ME6006005	3	23	CNCTM2							3	P.106-A9					N. T. Mai	
137	ĐH	13	20202ME6006006	1	23	CNCTM2							1	P.106-A9					Đ. Đ. Trung	
138	ĐH	13	20202ME6006006	2	23	CNCTM2										2	P.106-A9		D. V. Đức	
139	ĐH	13	20202ME6006006	3	23	CNCTM2						3	P.106-A9						D. V. Đức	